TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Diệp
2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991; Có mặt.
HKTT: số nhà 464, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: số nhà 228A, ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Võ Văn Chí T , sinh năm 1990; Vắng mặt.
HKTT: số nhà 464, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Chí T cưới nhau vào năm 2012, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phu Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường hay nhậu nhẹt về đánh đập và hành hung chị. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T .

Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Võ Thị Kim Y , sinh ngày 26/12/2012. Hiện nay con chung đang sống với chị Nhiên. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Võ văn Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian anh và chị N kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như chị N trình bày là đúng. Anh T thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có cự cãi qua lại. Trong lúc nóng giận anh T có đánh chị N . Anh T và chị N đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn vì anh T còn thương vợ con nên mong muốn vợ chồng hàn gắn lại.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Võ Thị Kim Y , sinh ngày 26/12/2012. Hiện nay con chung đang sống với chị N . Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T cũng đồng ý để chị N nuôi con. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Trong thời gian chung sống, chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị N cũng đã bỏ về nhà mẹ ruột của chị N ở xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị N và anh T cũng đã ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N . Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N , ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Kim N với anh Võ Văn chí T là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T hiện đang cư trú tại xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre .Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó,

căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/9/2012 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh T sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ hồng hay cự cải. Anh T cũng thừa nhận có đánh chị N . Chị N cũng đã bỏ về nhà mẹ ruột của chị N ở xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre sinh sống. Từ tháng 9/2018 đến nay, hai bên đã sống ly thân. Xét thấy, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chị N , anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, chị N vẫn cương quyết ly hôn với anh T . Điều đó cho thấy giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N .

[3] Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Võ Thị Kim Y , sinh ngày 26/12/2012. Hiện nay con chung đang sống với chị N . Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T cũng đồng ý để chị N nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị N đang trực tiếp nuôi con chung, chị N cũng có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu Y , Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N ; ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Võ Văn Chí T

2. Về nuôi con chung: Chị N được nuôi 01 con chung tên Võ Thị Kim Y , sinh ngày 26/12/2012.

Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Hai bên khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001088 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phú Đức, Châu Thành, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh